

A stylized illustration of a pink lotus flower in bloom, with several large green leaves at its base. The flower is positioned on the left side of the frame, and the leaves are on the right. The background is a light, neutral color.

# Chữ cái tiếng Việt

## ระบบตัวอักษรในภาษาเวียดนาม

# Nguyên âm và phụ âm đơn

พยัญชนะเดี่ยว & สระเดี่ยว

12 nguyên âm đơn สระเดี่ยว

A Ă Â E Ê I O Ô Ơ U Ư Y

a ă â e ê i o ô ơ u ư y

17 phụ âm đơn พยัญชนะเดี่ยว

B C D Đ G H K L M N

b c d đ g h k l m n

P Q R S T V X

p q r s t v x

# พยัญชนะเดี่ยว & สระเดี่ยว

|   | a  | ă | â | e  | ê  | i  | o  | ô  | ơ  | u  | ư  | y  |
|---|----|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| b | ba |   |   | be | bê | bi | bo | bô | bơ | bu | bư |    |
| c | ca |   |   |    |    |    | co | cô | cơ | cu | cư |    |
| d | da |   |   | de | dê | di | do | dô | dơ | du | dư |    |
| đ | đà |   |   | đe | đê | đi | đo | đô | đơ | đu | đư |    |
| g | ga |   |   |    |    |    | go | gô | gơ | gu | gư |    |
| h | ha |   |   | he | hê | hi | ho | hô | hơ | hu | hư | hy |
| k |    |   |   | ke | kê | ki |    |    |    |    |    |    |
| l | la |   |   | le | lê | li | lo | lô | lơ | lu | lư | ly |
| m | ma |   |   | me | mê | mi | mo | mô | mơ | mu | mư | my |
| n | na |   |   | ne | nê | ni | no | nô | nơ | nu | nư |    |
| p |    |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| q |    |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| r | ra |   |   | re | rê | ri | ro | rô | rơ | ru | rư |    |
| s | sa |   |   | se | sê | si | so | sô | sơ | su | sư |    |
| t | ta |   |   | te | tê | ti | to | tô | tơ | tu | tư | ty |
| v | va |   |   | ve | vê | vi | vo | vô | vơ | vu | vư | vy |
| x | xa |   |   | xe | xê | xi | xo | xô | xơ | xu | xư |    |

# Nguyên âm và phụ âm ghép

## สระผสม & พยัญชนะประสม

### - Nguyên âm ghép สระผสม

ia, iê-, yê- Chia, kia , chiên, tiếp, yên  
ua, uô- cua, lua, suốt, chuôm  
ưà, ươ- mưa, xưà, lươ,

### - Phụ âm ghép พยัญชนะประสม

Ch Th Nh Kh Ph  
Tr Gi Ph Ng Ngh Qu

### - Âm đệm (พยัญชนะเสียงควบ / พยัญชนะเลื่อน/ พยัญชนะรอง)

o: oa, oe, oac, oăc, oay, oai,

Example: hoa hoè, khoác , xoay, xoài...

u: ua uê uyêt uyên

Example: khua, thuê, tuyết, truyện...

# พยัญชนะประสม & สระเดี่ยว

|    | a   | ă | â | e    | ê   | i    | o   | ô   | ơ   | u   | ư   | y   |
|----|-----|---|---|------|-----|------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| ch | cha |   |   | che  | chê | chi  | cho | chô | chơ | chu | chư |     |
| gh |     |   |   | ghe  | ghê | ghi  |     |     |     |     |     |     |
| kh | kha |   |   | khe  | khê | khi  | kho | khô | kơ  | khu | khư |     |
| nh | nha |   |   | nhe  | nhê | nhi  | nho | nhô | nơ  | nhu | như |     |
| ph | pha |   |   | phe  | phê | phi  | pho | phô | phơ | phu | phư |     |
| th | tha |   |   | the  | thê | thi  | tho | thô | thơ | thu | thư | thy |
| ng | nga |   |   |      |     |      | ngo | ngô | ngơ | ngu | ngư |     |
| ng |     |   |   | nghe | ngê | nghi |     |     |     |     |     |     |
| gi | gia |   |   | gie  | giê |      | gio | giô | giơ | giu | giư |     |
| tr | tra |   |   | tre  | trê | tri  | tro | trô | trơ | tru | trư |     |
| qu | qua |   |   | que  | quê | qui  |     | quô |     |     |     | quy |

# สระเดียวกับพยัญชนะท้าย

|   | a  | c  | ch  | i  | m  | n  | ng  | nh  | o  | p  | t  | u  | y  |
|---|----|----|-----|----|----|----|-----|-----|----|----|----|----|----|
| a |    | ac | ach | ai | am | an | ang | anh | ao | ap | at | au | ay |
| â |    | âc |     |    | âm | ân | âng |     |    | âp | ât | âu | ây |
| ă |    | ăc |     |    | ăm | ăn | âng |     |    | ăp | ăt |    |    |
| e |    | ec |     |    | em | en | eng |     | eo | ep | et |    |    |
| ê |    |    | êch |    | êm | ên |     | ênh |    | êp | êt | êu |    |
| i | ia |    | ich |    | im | in |     | inh |    | ip | it | iu |    |
| o | oa | oc |     | oi | om | on | ong |     |    | op | ot |    |    |
| ô |    | ôc |     | ôi | ôm | ôn | ông |     |    | ôp | ôt |    |    |
| ơ |    |    |     | ơi | ơm | ơn |     |     |    | ơp | ơt |    |    |
| u | ua | uc |     | ui | um | un | ung |     |    | up | ut |    | uy |
| ư | ưa | ưc |     | ưi | ưm | ưn | ưng |     |    |    | ưt | ưu |    |

## สระผสมกับพยัญชนะท้าย - พยัญชนะรอง

|     | a   | c   | ch   | i   | m   | n    | ng   | nh   | o   | p   | t    | u   | y   |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|------|------|-----|-----|------|-----|-----|
| iê  |     | iêc |      |     | iêm | iên  | iêng |      |     | iêp | iết  | iêu |     |
| oa  |     | oac | oach | oi  | oam | oan  | oang | oanh | oao | oap | oat  |     | oay |
| ôa  |     | ôac |      |     | ôam | ôân  | ôâng |      |     |     | ôât  |     |     |
| œ   |     |     |      |     | œm  | œn   |      |      | œo  |     | œt   |     |     |
| oo  |     | oo  |      |     |     |      | oong |      |     |     |      |     |     |
| uâ  |     |     |      |     |     | uân  | uâng |      |     |     | uât  |     | uây |
| uê  |     |     | uêch |     |     |      |      | uênh |     |     |      |     |     |
| uô  |     | uôc |      | uôi | uôm | uôn  | uông |      |     | uôp | uôt  |     |     |
| ươ  |     | ươc |      | ươi | uơm | uơn  | uơng |      |     | ươp | ươt  | ươi |     |
| uy  | uya |     | uych |     |     | uyn  |      | uynh |     |     | uyt  | uyu |     |
| uyê |     |     |      |     |     | uyên |      |      |     |     | uyết |     |     |
| yê  |     |     |      |     | yêm | yên  | yêng |      |     |     | yết  | yêu |     |

# วรรณยุกต์ - Thanh (dấu) trong Tiếng Việt

| Chữ | Thanh |     |       |     |     |      |
|-----|-------|-----|-------|-----|-----|------|
|     | Ngang | sắc | huyền | hỏi | ngã | nặng |
|     |       | /   | \     | ?   | ~   | .    |
| a   | a     | á   | à     | ả   | ã   | ạ    |
| e   | e     | é   | è     | ẻ   | ẽ   | ẹ    |
| ê   | ê     | ế   | ề     | ể   | ễ   | ệ    |
| i   | i     | í   | ì     | ỉ   | ĩ   | ị    |

# วรรณยุกต์ - Thanh (dấu) trong Tiếng Việt

| Chữ | Thanh |     |       |     |     |      |
|-----|-------|-----|-------|-----|-----|------|
|     | Ngang | sắc | huyền | hỏi | ngã | nặng |
|     |       | /   | \     | ?   | ~   | .    |
| o   | o     | ó   | ò     | ỏ   | õ   | ọ    |
| ô   | ô     | ố   | ồ     | ở   | ỗ   | ộ    |
| ơ   | ơ     | ớ   | ờ     | ở   | ỡ   | ợ    |
| u   | u     | ú   | ù     | ủ   | ũ   | ụ    |
| ư   | ư     | ứ   | ừ     | ử   | ữ   | ự    |

# การสะกดส่วนประกอบของคำในภาษาเวียดนาม

- การสะกดคำในภาษาเวียดนามมีวิธีการดังต่อไปนี้
  1. สะกดสระ+พยัญชนะท้ายก่อน ด้วยการออกเสียงสระที่ใช้ในคำนั้นแล้วตามด้วยพยัญชนะท้าย
  2. สะกดเสียงพยัญชนะต้น+เสียงสระและพยัญชนะท้ายที่ได้สะกดไว้ก่อนแล้ว
  3. ตามด้วยการผันเสียงวรรณยุกต์

สระ+พยัญชนะท้าย=.....

พยัญชนะต้น+สระและพยัญชนะท้ายที่สะกดไว้=.....

การผันวรรณยุกต์+พยัญชนะต้น และ เสียงสระกับพยัญชนะท้ายที่สะกดไว้=.....

- ตัวอย่างเช่น

คำว่า **To** วิธีการสะกดคือ o, tờ-o, to (ออ, เต่อ-ออ, ตอ)

คำว่า **Xem** วิธีการสะกดคือ e-mờ-em, xờ-em, xem (แอ-เหม่อ-แอม, เซ่อ-แอม, แซม)

คำว่า **Làm** วิธีการสะกดคือ

a-mờ-am, lơ-am-lam, huyền-làm (อา-เหม่อ-อาม, เหล่อ-อาม-ลาม, เฮี่ยน-ล้าม)

A large, stylized pink lotus flower with multiple petals is positioned on the left side of the slide. A green stem with two large, rounded green leaves extends from the bottom left towards the center. The background is a light, neutral color.

# Chào hỏi

- Xin chào
- Tạm biệt
- Xin lỗi
- Cảm ơn (cảm ơn)
- Bạn thế nào? Khỏe không
- cảm ơn, tôi khỏe
- Không có gì
- Rất vui được gặp anh/chi/ bạn..
- Hẹn gặp lại.
- Chúc may mắn.

สวัสดี

ลาก่อน

ขอโทษ

ขอบคุณ

เป็นยังไงสบายดีหรือ

ขอบคุณผม / ดีฉันสบาย

ไม่เป็นไร

ยินดีที่ได้รู้จัก

พบกันใหม่ค่ะ/ครับ

โชคดี

# Ca dao – tục ngữ

สุภาษิต

1.

Trong đầm gì đẹp bằng sen  
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng  
Nhị vàng bông trắng lá xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

2.

Bầu ơi thương lấy bí cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn



# Ca dao – tục ngữ

## สุภาษิต

- Ở hiền gặp lành.  
อยู่ดีมีสุข
- Gần mực thì đen gần đèn thì sáng.  
อยู่ใกล้หมึกก็ดำ อยู่ใกล้ไฟก็สว่าง
- Lấy vợ hiền hoà, làm nhà hướng nam.  
แต่งงานภรรยาอ่อนโยน สร้างบ้านทางทิศใต้
- Thương nhau mấy núi cũng trèo  
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.

